

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/KDTM - PT .

Ngày : 5/3/2020

V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh.

Các Thẩm phán : Bà Nguyễn Thị Thuý Hạnh

Bà Ngô Tuyết Băng

Thư ký Toà án nhân dân TP Hà Nội ghi biên bản phiên tòa : Bà Dương Thị Huệ

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội: Bà Ngô Thị Huyền Phương - KSV

Ngày 05 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm, công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 25/2020/TLPT - KDTM ngày 09 tháng 1 năm 2020 về tranh chấp: Hợp đồng tín dụng.

Do Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 25/2019/KDTM- ST ngày 12/8/2019 của Tòa án nhân dân Quận ĐĐ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 10/2020/QĐPT – KDTM ngày 13 tháng 1 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại TNHH MTV DT (gọi tắt DT Bank)

Địa chỉ: Số 109 TH, phường TH, quận HK , Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Huy T -Tổng giám đốc .

Người đại diện theo ủy quyền: 1. Ông Đỗ Minh D , sinh năm 1985

Hiện ở: Số 32 ngõ 144 phố TK, phường TXN, quận TX , Hà Nội.

2. Bà Phạm Thị Thu H, sinh năm 1992 .

Hiện ở: Số 9 ngách 20 ngõ 46 PM, phường DT, quận HBT , Hà Nội.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thế S , sinh năm 1948

Bà Nguyễn Thị V , sinh năm 1957

Trú quán: P324 B9 TT NTC , phường LH, quận ĐĐ , Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị V , ông Nguyễn Thế S :
luật sư Nguyễn Văn T – Công ty Luật TNHH F, chi nhánh TL.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị L , sinh năm 1958

Trú quán : Số 87 phố PD , phường HT , quận HK , Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L : anh Nguyễn Đại H , sinh năm 1994

Trú quán : CC2 MT, NTL , Hà Nội.

Ông D , Bà V , ông H , luật sư T có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, các lời khai của DT Bank nội dung vụ án như sau :*

Ngày 06/01/2011 DT Bank , bà Nguyễn Thị V , ông Nguyễn Thế S ký Hợp đồng tín dụng số 0002/ĐĐ/2010/HĐTD và khế ước nhận nợ với nội dung :

Ngân hàng cho Bà V và Ông S vay số tiền 2.100.000.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng (kể từ ngày 06/01/2011 đến ngày 06/01/2012); mục đích vay: góp vốn kinh doanh vào Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ LH ; lãi suất vay 22,98%/năm kỳ đầu tiên; hình thức trả nợ: gốc trả cuối kỳ; lãi trả hàng tháng.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay trên gồm:

- Tài sản đảm bảo thứ nhất: Quyền sử dụng thửa đất số 42, tờ bản đồ số 08 tại địa chỉ ĐH, xã BS , huyện SS , Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB177439, số vào sổ cấp GCN CH00013 do UBND huyện SS cấp cho bà Nguyễn Thị L ngày 09/7/2010; Hợp đồng thế chấp số công chứng 4798/2010/HĐTC ngày 25/12/2010 tại văn phòng công chứng TL .

- Tài sản đảm bảo thứ hai: Quyền sử dụng thửa đất số 07, tờ bản đồ số 06 tại địa chỉ LĐ , xã BS , huyện SS , Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB177453, số vào sổ cấp GCN CH00014 do UBND huyện SS cấp cho bà Nguyễn Thị L ngày 09/7/2010; Hợp đồng thế chấp số công chứng 4799/2010/HĐTC ngày 25/12/2010 tại văn phòng công chứng TL .

Việc thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật.

Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, DT Bank đã giải ngân cho bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Thế S số tiền 2.100.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Thế S đã thanh toán cho DT Bank số tiền 1.890.874.772 đồng, trong đó gồm:

- Nợ gốc: 1.400.000.000 đồng;
- Nợ lãi trong hạn: 133.254.032 đồng;
- Nợ lãi quá hạn: 357.620.740 đồng.

Nay, DT Bank đề nghị Tòa án buộc bà Nguyễn Thị V , ông Nguyễn Thế S phải thanh toán trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền là 1.839.539.899 đồng (một tỷ, tám trăm ba mươi chín triệu năm trăm ba mươi chín nghìn tám trăm chín chín đồng) trong đó bao gồm:

- Nợ gốc: 700.000.000 đồng;
- Nợ lãi trong hạn: 12.054.301 đồng;
- Nợ lãi quá hạn: 1.127.485.597 đồng.

Buộc Bà V và Ông S thanh toán cho Ngân hàng số tiền lãi phát sinh theo lãi suất quá hạn tại Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thực tế thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Trường hợp Bà V và Ông S không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền còn nợ cho ngân hàng, đề nghị Tòa án tuyên bố Ngân hàng TM TNHH MTV DT được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý phát mại các tài sản đảm bảo để thu hồi nợ , trường hợp phát mại tài sản đảm bảo nhưng không thu đủ các khoản nợ, bên vay vốn phải tiếp tục nhận nợ và trả đầy đủ cho đến khi thanh toán hết khoản nợ. Ngoài ra Ngân hàng không có yêu cầu nào khác.

Bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Thế S trình bày:

Bà V xác nhận phần trình bày của DT Bank về hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp và xác nhận đã thanh toán cho ngân hàng số tiền 1.890.874.772 đồng, trong đó gồm:- Nợ gốc: 1.400.000.000 đồng;

- Nợ lãi trong hạn: 133.254.032 đồng;
- Nợ lãi quá hạn: 357.620.740 đồng. Còn nợ gốc: 700.000.000 đồng;

Ông S , Bà V đã có ý kiến đề nghị phát mại tài sản thế chấp từ năm 2012 tuy nhiên ngân hàng không làm mà kéo dài đến nay dẫn đến việc nợ lãi phát sinh, do vậy Ông S , Bà V không đồng ý với số tiền lãi trong hạn và quá hạn do ngân hàng đưa ra. Hiện nay Ông S , Bà V không có khả năng trả nợ, đề nghị ngân hàng phát tại tài sản đảm bảo để thanh toán khoản nợ.

Ngày 06/01/2012, Ông S , Bà V và bà L có ký kết bản thỏa thuận với nội dung kể từ ngày hết hạn vay của hợp đồng số 0002/ĐĐ/2010/HĐTD và bản khế ước nhận nợ số 0002/ĐĐ/2010/KWNN ngày 06/1/2010 bà Nguyễn Thị L – Giám đốc Công ty TNHH TM và DV LH sẽ chịu trách nhiệm hoàn trả toàn bộ cả vốn và lãi phát sinh cho ngân hàng và chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật về số tiền kể trên. Ông S , Bà V không còn liên quan đến hợp đồng và khế ước vay nợ nữa.

Bà Nguyễn Thị L do anh Nguyễn Đại H đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Nguyễn Thế S và bà Nguyễn Thị V là anh trai và chị dâu của bà Nguyễn Thị L. Đầu năm 2011, bà Nguyễn Thị L, DT Bank ký Hợp đồng thế chấp số công chứng 4798/2010/HĐTC ngày 25/12/2010 và Hợp đồng thế chấp số công chứng 4799/2010/HĐTC ngày 25/12/2010 về việc thế chấp 2 mảnh đất làm tài sản đảm bảo cho khoản vay 2.100.000.000đ của ông Nguyễn Thế S và bà Nguyễn Thị V để góp vốn vào Công ty TNHH thương mại và dịch vụ du lịch LH do Bà L là giám đốc. Đầu năm 2012, khoản vay nêu trên quá hạn, số dư nợ gốc còn 700.000.000 đồng, Bà V, Ông S, bà L xác định không có tiền trả cho ngân hàng và nhất trí đề nghị ngân hàng thực hiện việc phát mại 02 tài sản đảm bảo để tất toán khoản vay. Ngày 06/01/2012, Ông S, Bà V và bà L có ký kết bản thỏa thuận với nội dung bà L sẽ chịu trách nhiệm hoàn trả toàn bộ cả vốn và lãi phát sinh cho ngân hàng và chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật về số tiền kể trên. Ông S, Bà V không còn liên quan đến hợp đồng và khế ước vay nợ

Nay DT Bank khởi kiện đòi nợ, bà L đề nghị yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại tài sản đảm bảo là:

- Quyền sử dụng thửa đất số 42, tờ bản đồ số 08 tại địa chỉ ĐH, xã BS, huyện SS, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB177439, số vào sổ cấp GCN CH00013 do UBND huyện SS cấp cho bà Nguyễn Thị L ngày 09/7/2010; Hợp đồng thế chấp số công chứng 4798/2010/HĐTC ngày 25/12/2010 tại văn phòng công chứng TL.

- Quyền sử dụng thửa đất số 07, tờ bản đồ số 06 tại địa chỉ LĐ, xã BS, huyện SS, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB177453, số vào sổ cấp GCN CH00014 do UBND huyện SS cấp cho bà Nguyễn Thị L ngày 09/7/2010; Hợp đồng thế chấp số công chứng 4799/2010/HĐTC ngày 25/12/2010 tại văn phòng công chứng TL

Bà L không chấp nhận khoản tiền lãi, vì bà L đề nghị ngân hàng phát mại tài sản từ năm 2012 để thu hồi nợ nhưng ngân hàng không phát mại, đây là lỗi của Ngân hàng. Trường hợp phát mại tài sản mà số tiền thu được vượt 700.000.000 đồng thì ngân hàng phải trả cho bà L phần vượt hơn.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 25/2019/KDTM-ST ngày 12/8/2019 của Tòa án nhân dân Quận ĐĐ đã quyết định như sau :

1. Chấp nhận yêu cầu đòi nợ của Ngân hàng TM TNHH MTV DT đối với ông Nguyễn Thế S và bà Nguyễn Thị V .

2. Buộc ông Nguyễn Thế S và bà Nguyễn Thị V phải thanh toán trả cho Ngân hàng TM TNHH MTV DT nợ gốc là 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng).

3. Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TM TNHH MTV DT yêu cầu ông Nguyễn Thế S và bà Nguyễn Thị V phải thanh toán trả lãi cho ngân hàng.

4. Trường hợp ông Nguyễn Thế S và bà Nguyễn Thị V không thanh toán cho Ngân hàng TM TNHH MTV DT nợ gốc là 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng) có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành phát mại tài sản đảm bảo là:

- Quyền sử dụng thửa đất số 42, tờ bản đồ số 08 tại địa chỉ ĐH, xã BS , huyện SS , Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB177439, số vào sổ cấp GCN CH00013 do UBND huyện SS cấp cho bà Nguyễn Thị L ngày 09/7/2010; Hợp đồng thế chấp số công chứng 4798/2010/HĐTC ngày 25/12/2010 tại văn phòng công chứng TL .

- Quyền sử dụng thửa đất số 07, tờ bản đồ số 06 tại địa chỉ LD , xã BS , huyện SS , Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB177453, số vào sổ cấp GCN CH00014 do UBND huyện SS cấp cho bà Nguyễn Thị L ngày 09/7/2010; Hợp đồng thế chấp số công chứng 4799/2010/HĐTC ngày 25/12/2010 tại văn phòng công chứng TL .

Trường hợp phát mại tài sản đảm bảo nhưng không thu đủ các khoản nợ, Bà V và Ông S phải tiếp tục nhận nợ và trả đầy đủ cho đến khi thanh toán hết khoản nợ cho Ngân hàng.

5. Về án phí: Ông Nguyễn Thế S , bà Nguyễn Thị V phải nộp 32.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm (Ông S nộp 16.000.000 đồng; Bà V nộp 16.000.000 đồng).

Ngân hàng Thương mại TNHH MTV DT phải nộp 70.613.429 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Đã nộp 27.000.000 đồng tại biên lai số 0008400 ngày 20/3/2019 tại Chi cục thi hành án Dân sự quận ĐĐ , còn phải nộp tiếp 43.613.429 đồng.

Tại phiên toà phúc thẩm :

- DT Bank đề nghị Toà án giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, buộc Ông S , Bà V phải chịu lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn.

- Ông Nguyễn Thế S và bà Nguyễn Thị V giữ nguyên yêu cầu kháng cáo về án phí.

- Người đại diện theo uỷ quyền của bà L trình bày : Bà L không kháng cáo đề nghị Toà án xử lý tài sản thế chấp để thanh toán nợ cho DT Bank .

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội có quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung :

- Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng các bên thoả thuận Hợp đồng chấm dứt khi bên vay thanh toán toàn bộ nợ gốc, lãi, phí , trong trường hợp nêu trên bên vay chưa trả gốc và lãi do vậy Hợp đồng chưa chấm dứt, nên việc Toà án cấp sơ thẩm xác định yêu cầu đòi lãi của nguyên đơn thuộc trường hợp hết thời hiệu khởi kiện là không đúng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của DT Bank về lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn. Ông S , Bà V trên 60 tuổi và có đơn xin miễn án phí do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo về án phí của Ông S Bà V .

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm theo hướng trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

*** Về thủ tục tố tụng :** Đơn kháng cáo của DT Bank , ông Nguyễn Thế S và bà Nguyễn Thị V trong thời hạn Luật định và hợp lệ.

*** Về nội dung :**

- Căn cứ đơn kháng cáo, Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét kháng cáo về lãi trong hạn, lãi quá hạn, về án phí , những phần khác của bản án không có kháng cáo nên giữ nguyên.

- Về Hợp đồng tín dụng : Ngày 06/01/2011, DT Bank , bà Nguyễn Thị V , ông Nguyễn Thế S ký Hợp đồng tín dụng số 0002/ĐĐ/2010/HĐTD trên cơ sở tự nguyện và phù hợp pháp luật, nên phát sinh hiệu lực. Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự không tranh chấp về việc ký kết, quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng nêu trên.

Điều 5 số Hợp đồng tín dụng 0002/ĐD/2010/HĐTD ngày 06/01/2011 có nội dung : “ *Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và kết thúc khi Bên vay trả nợ xong cả gốc và lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí (nếu có) của toàn bộ những khoản vay đã phát sinh từ hợp đồng này. Sau khi bên vay trả hết nợ gốc và lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí (nếu có), Hợp đồng này coi như được thanh lý*”. Như vậy căn cứ vào Hợp đồng tín dụng nêu trên bà Nguyễn Thị V , ông Nguyễn Thế S chưa trả nợ gốc và nợ lãi nên Hợp đồng tín dụng chưa kết thúc, các bên đang trong quá trình thực hiện hợp đồng. Tại các Biên bản làm việc ngày 9/8/2012, 25/2/2016 giữa DT Bank , Ông S , Bà V , bà L đều thể hiện rõ nội dung bên vay, bên bảo lãnh đều xác định sẽ trả nợ và yêu cầu Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp, không có bất kỳ văn bản nào thể hiện việc Ông S , Bà V , bà L không trả nợ cho DT Bank , do vậy việc Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng kể từ tháng 2/2013 quyền và lợi ích của DT Bank bị xâm phạm là không đúng dẫn đến việc xác định yêu cầu khởi kiện của DT Bank thuộc trường hợp hết thời hiệu khởi kiện và không chấp nhận yêu cầu đòi lãi trong hạn, lãi quá hạn của DT Bank là không đúng, do vậy chấp nhận yêu cầu kháng cáo của DT Bank , sửa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu đòi lãi trong hạn, lãi quá hạn của DT Bank .

Điều 5 Nghị định 56/2009 ngày 30/6/2009 của Chính phủ về trợ giúp phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ quy định : “ *Ưu tiên chương trình trợ giúp các doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ*”, thấy rằng việc Ông S và Bà V vay DT Bank để góp vốn vào Công ty TNHH thương mại và dịch vụ LH do bà Nguyễn Thị L làm giám đốc nhằm phát triển thương mại, dịch vụ du lịch do vậy khoản vay nêu trên được áp dụng các quy định tại Thông tư 14/2012/TT-NHNN ngày 4.5.2012 của Ngân hàng Nhà nước đối với khách hàng vay để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ một số lĩnh vực, ngành kinh tế.

Căn cứ vào quy định tại Khoản 1 điều 476 Bộ luật dân sự 2005 quy định : “ *Lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng*” khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: “*tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”. Xét thấy tại thời điểm hai bên ký kết hợp đồng tín dụng 06/01/2011 hai bên thỏa thuận về lãi suất cho vay là phù hợp với Thông tư 12/2010/TTNHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước. Từ năm 2012, Ngân hàng Nhà nước có Thông tư 14/2012/TT- NHNN ngày 4/5/2012 quy định lãi suất cho

vay nhằm điều chỉnh lãi suất để thực hiện Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 10/5/2012 của Chính Phủ về việc ổn định kinh tế vĩ mô, các Ngân hàng phải tuân thủ thực hiện, như vậy mức lãi suất cho vay của DT Bank sẽ thay đổi theo việc điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Nhà nước theo từng thời điểm, do vậy Tòa án phải căn cứ vào các Thông tư của Ngân hàng Nhà nước về việc điều chỉnh lãi suất để xem xét áp dụng mức lãi suất theo quy định, mức lãi suất thay đổi giảm dần từ 13%/năm. Từ những phân tích trên, nhận thấy việc DT Bank buộc Ông S, Bà V trả mức lãi suất quá hạn 150% trên mức lãi suất 22,98% kể từ ngày 6/1/2012 đến ngày xét xử sơ thẩm 1.127.485.597đ là quá cao và không phù hợp với các quy định về lãi suất cho vay do Ngân hàng Nhà nước quy định, do vậy chấp nhận 1 phần kháng cáo của DT Bank buộc Ông S, Bà V phải trả khoản lãi trong hạn 12.054.301đ và khoản lãi suất quá hạn đến ngày xét xử sơ thẩm là 522.815.000đ (làm tròn).

Về án phí: Do sửa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu đòi lãi của DT Bank nên xác định lại án phí sơ thẩm đối với DT Bank. Ông Nguyễn Thế S sinh năm 1948 và được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba, bà Nguyễn Thị V sinh năm 1957, Ông S, Bà V có đơn xin miễn án phí, do vậy căn cứ điều 2 Luật Người cao tuổi và điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc Hội chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ông S, Bà V sửa án sơ thẩm miễn án phí sơ thẩm đối với Ông S, Bà V. DT Bank không phải chịu án phí phúc thẩm.

Từ những phân tích trên, căn cứ khoản 2 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa án sơ thẩm theo hướng trên.

* Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội có quan điểm phù hợp pháp luật.

Từ những nhận định trên!

Căn cứ điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự 2005.

Căn cứ điều 90, Điều 91, Điều 94, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ khoản 1 điều 147, khoản 1 điều 148, khoản 2 điều 308, điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm; Nghị định 11/CP/2012 ngày 22/2/2011 về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm.

Căn cứ điểm đ khoản 1 điều 12 , khoản 4 điều 26, Khoản 2 điều 29, điều 48 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí , lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

Xử : Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng Thương mại TNHH MTV DT , ông Nguyễn Thế S và bà Nguyễn Thị V .

Sửa Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 25/2019/KDTM- ST ngày 12/8/2019 của Tòa án nhân dân Quận ĐĐ và quyết định như sau :

1. Chấp nhận yêu cầu đòi nợ của Ngân hàng Thương mại TNHH MTV DT đối với ông Nguyễn Thế S và bà Nguyễn Thị V .

2. Buộc ông Nguyễn Thế S và bà Nguyễn Thị V phải thanh toán trả cho Ngân hàng Thương mại TNHH MTV DT tính đến ngày 12/8/2019 với số nợ gốc là 700.000.000 đồng, nợ lãi : 534.869.301đ gồm : lãi trong hạn 12.054.301đ , lãi quá hạn đến ngày xét xử sơ thẩm là 522.815.000đ (làm tròn) , tổng 1.234.869.301đ (một tỷ hai trăm ba mươi tư triệu tám trăm sáu chín ngàn ba trăm linh một đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (12/8/2019), người phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu lãi suất quá hạn đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất thoả thuận trong hợp đồng tín dụng tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi trả xong nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng , các bên có thoả thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Toà án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Trường hợp ông Nguyễn Thế S và bà Nguyễn Thị V không thanh toán cho Ngân hàng Thương mại TNHH MTV DT số nợ nêu trên thì Ngân hàng Thương mại TNHH MTV DT có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành phát mại tài sản đảm bảo là:

- Quyền sử dụng thửa đất số 42, tờ bản đồ số 08 tại địa chỉ ĐH, xã BS , huyện SS , Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB177439, sổ vào sổ cấp GCN CH00013 do UBND huyện SS cấp cho bà Nguyễn Thị L ngày 09/7/2010; Hợp đồng thế chấp số công chứng 4798/2010/HĐTC ngày 25/12/2010 tại văn phòng công chứng TL .

- Quyền sử dụng thửa đất số 07, tờ bản đồ số 06 tại địa chỉ LĐ , xã BS , huyện SS , Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB177453, số vào sổ cấp GCN CH00014 do UBND huyện SS cấp cho bà Nguyễn Thị L ngày 09/7/2010; Hợp đồng thế chấp số công chứng 4799/2010/HĐTC ngày 25/12/2010 tại văn phòng công chứng TL .

4. Về án phí: Ông Nguyễn Thế S , bà Nguyễn Thị V không phải chịu án phí sơ thẩm, phúc thẩm .

Ngân hàng Thương mại TNHH MTV DT phải chịu 27.600.000đ tiền án phí sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 27.000.000 đồng tại biên lai số 0008400 ngày 20/3/2019 , 2.000.000đ tại biên lai số 9117 ngày 30/8/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận DD . Trả lại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV DT số tiền 1.400.000đ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày 5/3/2020.

Nơi nhận:

- Tòa án ND Quận DD ;
- Viên kiểm sát ND TP Hà Nội;
- Dương sự.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hồng Hạnh

